TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HN-ST
Ngày: 24-7-2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Bá Đức
2. Ông Ngô Văn Bình

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị D có mặt. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Lê Thị Hồng D trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Đào Văn T do mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2014. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này anh T có mối quan hệ tình cảm với người khác, chị đã tha thứ nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã không còn sống chung từ ngày 01/10/2018 âm lịch cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng cũng không gặp gỡ hàn gắn, anh T cũng không đến thăm con, phụ lo cho

con. Nay chị thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên xin ly hôn với anh Tiền.

2. Về con chung: Đào Duy S, sinh ngày 15/5/2015 và Đào Ngọc G, sinh ngày 18/01/2018, hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Đào Văn T có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2019:

1. Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị D nhưng nếu chị D kiên quyết xin ly hôn thì anh để Tòa án xem xét giải quyết. Anh và chị D cưới nhau được 05 năm, sống bên gia đình chị D. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã 02 năm, lý do anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, hiện nay anh đã chấm dứt mối quan hệ đó. Hơn 01 năm nay, vợ chồng anh không đoàn tụ được.

2. Về con chung: Đào Duy S, sinh ngày 15/5/2015 và Đào Ngọc G, sinh ngày 18/01/2018, sống chung với chị D từ nhỏ đến nay. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị D trực tiếp nuôi 02 con, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị chị D tạo điều kiện cho anh được thăm, chăm sóc các con, không được ngăn cấm.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Xin được vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng D; Con chung: Đào Duy S, sinh ngày 15/5/2015 và Đào Ngọc G, sinh ngày 18/01/2018, để chị D trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Đào Thị Hồng D, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"*; Trong đó xác định chị Đào Thị Hồng D là nguyên đơn, anh Đào Văn T là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc anh Đào Văn T vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Hồng D, thấy rằng:

Chị D cho rằng do quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T 02 lần có mối quan hệ tình cảm với người khác, chị đã tha thứ nhưng anh T không sửa đổi, đã không còn sống chung từ tháng 10/2018 âm lịch cho đến nay. Nay xác định không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

Anh T không đồng ý ly hôn, cho rằng nếu chị D kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa xem xét. Anh thừa nhận có mối quan hệ với người khác nhưng hiện nay đã chấm dứt, thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã cố gắng hàn gắn hơn 01 năm nay nhưng không đoàn tụ được.

Khi thực hiện xác minh, ông Đào Văn N là cha của anh T cho biết: Hôn nhân giữa chị D và anh T không xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh T còn thương vợ, thương con. Cách nay khoảng 02 năm, anh T có lỡ lầm có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng đã sửa chữa sai lầm và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hai con của chị D và anh T sống cùng chị D từ nhỏ cho đến nay.

Khi thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T đăng ký thường trú, cho biết thông tin: Gia đình của anh T ở địa phương có hoàn cảnh kinh tế ổn định. Trong các cuộc họp tổ tại địa phương không nhận đơn yêu cầu hòa giải hôn nhân. Giữa chị D và anh T có đám cưới ở địa phương và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 02 con chung hiện đang sống với chị D.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T là có thật, cả hai đều thừa nhận. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tuy chị D tha thứ nhưng cả hai sau đó không hàn gắn tình cảm được. Đã có một thời gian dài không còn sống chung, trong thời gian này vợ chồng cũng không có hướng hòa giải đoàn tụ mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng nhiều đến nay đã đến mức trầm trọng. Anh T cho rằng còn thương chị D không muốn ly hôn nhưng bản thân anh cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra do lỗi của anh, đã cố gắng hàn gắn hơn 01 năm nay nhưng vẫn không đoàn tụ được. Nay chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Đào Duy S, sinh ngày 15/5/2015 và Đào Ngọc G, sinh ngày 18/01/2018. Nay chị D và anh T đều thống nhất, trong trường hợp ly hôn thì 02 con để cho chị D trực tiếp nuôi. Xét thấy 02 con đã sống chung với mẹ từ nhỏ cho đến nay, đã quen với cuộc sống bên mẹ, các con còn quá nhỏ nên để chị D trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa

thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị D chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng D.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị Hồng D được ly hôn với anh Đào Văn T.

2. Về con chung: Đào Duy S, sinh ngày 15/5/2015 và Đào Ngọc G, sinh ngày 18/01/2018, khi ly hôn chị Lê Thị Hồng D được trực tiếp nuôi hai con. Ghi nhận chị Lê Thị Hồng D không yêu cầu anh Đào Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Lê Thị Hồng D phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003573 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày

tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng